

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 35

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("Công ty") là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ việc cổ phần hóa Công ty Thực phẩm Xuất Nhập khẩu Sóc Trăng theo Quyết định số 346/QĐ-TCCB02 ngày 9 tháng 10 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sóc Trăng, và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") Số 2200208753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2002, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Vào ngày 7 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã FMC theo Giấy phép niêm yết số 66/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm hiện hành của Công ty là nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Km 2132, Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hồ Quốc Lực	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Hoàng Việt	Thành viên
Ông Tô Minh Chăng	Thành viên
Ông Adisak Torsakul	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên độc lập

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Lưu Nguyễn Trúc Dung	Trưởng ban
Bà Lý Thị Kim Yến	Thành viên
Ông Lý Thái Hưng	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Hoàng Việt	Tổng Giám đốc	
Bà Lê Ngọc Hương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Mã Ích Hưng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Thanh Vũ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đinh Văn Thới	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là Ông Phạm Hoàng Việt.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Phạm Hoàng Việt
Tổng Giám đốc

Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 11604265/66920349-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (“Công ty”) và các công ty con (“Nhóm Công ty”), được lập vào ngày 25 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thị Như Quỳnh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3040-2024-004-1



Nguyễn Thùy Trang
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3213-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023


VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.127.050.626.036	1.876.998.079.284
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	451.603.648.884	585.329.354.328
111	1. Tiền		41.432.602.884	290.134.774.931
112	2. Các khoản tương đương tiền		410.171.046.000	295.194.579.397
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	97.416.519.173	11.068.845.925
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		97.416.519.173	11.068.845.925
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		491.782.381.783	279.822.503.552
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	247.892.771.166	240.004.282.595
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	18.484.294.325	33.416.626.779
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	217.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	8.405.316.292	6.401.594.178
140	IV. Hàng tồn kho	10	999.826.960.186	929.079.227.608
141	1. Hàng tồn kho		999.826.960.186	929.079.227.608
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		86.421.116.010	71.698.147.871
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	47.668.869.691	24.431.584.433
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	17	38.752.246.319	47.266.563.438
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.229.133.450.958	1.111.808.887.259
220	I. Tài sản cố định		848.375.105.053	418.632.650.904
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	846.052.932.907	416.196.267.388
222	Nguyên giá		1.692.286.492.474	1.134.037.024.796
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(846.233.559.567)	(717.840.757.408)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	2.322.172.146	2.436.383.516
228	Nguyên giá		4.452.274.496	4.546.154.496
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.130.102.350)	(2.109.770.980)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		95.601.926.031	445.522.504.738
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	95.601.926.031	445.522.504.738
260	III. Tài sản dài hạn khác		285.156.419.874	247.653.731.617
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	280.442.455.465	242.313.447.464
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	4.713.964.409	5.340.284.153
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.356.184.076.994	2.988.806.966.543

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.122.043.529.157	872.745.442.329
310	I. Nợ ngắn hạn		1.111.721.604.907	862.554.103.579
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	106.178.101.220	82.941.321.295
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	2.797.675.915	20.514.754.793
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	7.078.619.316	7.204.767.568
314	4. Phải trả người lao động		71.047.980.854	146.078.700.450
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	44.908.504.091	53.228.437.357
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	363.283.285	7.203.123.519
320	7. Vay ngắn hạn	20	824.121.975.749	515.492.089.200
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	55.225.464.477	29.890.909.397
330	II. Nợ dài hạn		10.321.924.250	10.191.338.750
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	835.000.000	835.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	3.10	9.486.924.250	9.356.338.750
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.234.140.547.837	2.116.061.524.214
410	I. Vốn chủ sở hữu	22.1	2.234.140.547.837	2.116.061.524.214
411	1. Vốn cổ phần		653.888.890.000	653.888.890.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		653.888.890.000	653.888.890.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		593.681.126.002	593.681.126.002
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		781.167.252.495	676.372.777.269
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		505.100.163.093	367.349.763.265
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		276.067.089.402	309.023.014.004
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		205.403.279.340	192.118.730.943
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.356.184.076.994	2.988.806.966.543


Lý Thị Thu Hồng
Người lập


Tô Minh Cường
Kế toán trưởng


Phạm Hoàng Việt
Tổng Giám đốc

Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu về bán hàng	23.1	5.089.081.007.694	5.707.202.573.088
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(1.688.007.779)	(5.638.911.412)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	23.1	5.087.392.999.915	5.701.563.661.676
11	4. Giá vốn hàng bán	24	(4.594.468.806.420)	(5.075.987.793.830)
20	5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng		492.924.193.495	625.575.867.846
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	72.936.248.973	71.136.474.603
22	7. Chi phí tài chính	25	(61.457.891.439)	(54.188.282.457)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(28.215.238.714)	(17.254.552.400)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(121.784.059.524)	(226.193.552.007)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(78.979.856.518)	(92.525.769.842)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		303.638.634.987	323.804.738.143
31	11. Thu nhập khác		994.554.961	5.099.570.105
32	12. Chi phí khác		(37.298.449)	(490.230.094)
40	13. Lợi nhuận khác		957.256.512	4.609.340.011
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		304.595.891.499	328.414.078.154
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(1.633.240.589)	(8.282.032.455)
52	16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	29.3	(626.319.744)	885.845.696
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		302.336.331.166	321.017.891.395
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	22.1	276.067.089.402	309.023.014.004
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	22.1	26.269.241.764	11.994.877.391
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.4	4.121	4.107
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22.4	4.121	4.107



Lý Thị Thu Hồng
Người lập



Tô Minh Chặng
Kế toán trưởng



Phạm Hoàng Việt
Tổng Giám đốc

Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam
Ngày 25 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		304.595.891.499	328.414.078.154
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		154.278.778.410	89.429.948.309
03	Dự phòng		130.585.500	158.652.250
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.824.439.688	4.160.227.009
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(21.881.860.907)	(18.044.068.785)
06	Chi phí lãi vay	25	28.215.238.714	17.254.552.400
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		467.163.072.904	421.373.389.337
09	Giảm các khoản phải thu		14.437.845.211	37.010.102.618
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(70.747.732.578)	12.108.293.524
11	Giảm các khoản phải trả		(93.059.865.775)	(3.041.060.849)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(61.366.293.259)	1.758.345.615
14	Tiền lãi vay đã trả		(28.311.126.353)	(17.102.915.090)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(4.335.387.168)	(4.812.840.000)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	21	(16.599.666.383)	(12.084.414.364)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		207.180.846.599	435.208.900.791
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(217.783.092.033)	(438.689.485.930)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		928.367.003	929.090.909
23	Tiền chi cho vay và gửi ngân hàng có kỳ hạn		(378.369.676.556)	(24.985.279.832)
24	Thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		75.022.003.308	38.701.032.058
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(109.794.580.926)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.000.000.000	-
27	Tiền thu lãi ngân hàng		12.895.081.784	18.578.411.008
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(505.307.316.494)	(515.260.812.713)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của chủ sở hữu	22.1	-	(4.300.000)
33	Tiền thu từ đi vay	20	4.493.951.195.410	3.584.895.214.062
34	Tiền trả nợ gốc vay	20	(4.188.124.362.846)	(3.543.731.364.409)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông công ty mẹ Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát của công ty con	22.2	(130.777.778.000)	(130.777.778.000)
			(11.872.000.000)	(11.109.560.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		163.177.054.564	(100.727.788.347)

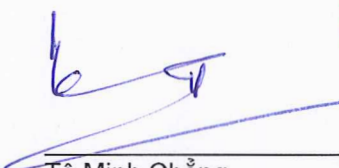
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(134.949.415.331)	(180.779.700.269)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		585.329.354.328	769.592.318.292
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.223.709.887	(3.483.263.695)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	451.603.648.884	585.329.354.328



Lý Thị Thu Hồng
Người lập



Tô Minh Chăng
Kế toán trưởng



Phạm Hoàng Việt
Tổng Giám đốc

Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("Công ty") là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ việc cổ phần hóa Công ty Thực phẩm Xuất Nhập khẩu Sóc Trăng theo Quyết định số 346/QĐ-TCCB02 ngày 9 tháng 10 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sóc Trăng, và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") Số 2200208753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2002, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Vào ngày 7 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã FMC theo Giấy phép niêm yết số 66/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Km 2132, Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 5.174 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 4.902 người).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có hai công ty con như trình bày bên dưới và đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty:

Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An ("Khang An")

Khang An là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2200780985, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 19 tháng 8 năm 2020. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Khang An là chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản. Khang An có trụ sở chính đăng ký tại Lô B, Khu công nghiệp An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm giữ 51,54% vốn cổ phần và quyền biểu quyết trong Khang An (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 51,54% phần vốn cổ phần và quyền biểu quyết).

Công ty TNHH Vĩnh Thuận ("Vĩnh Thuận")

Vĩnh Thuận là một công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2200205569 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15 tháng 5 năm 2002. Hoạt động chính trong năm hiện hành của Công ty là nuôi trồng thủy sản. Vĩnh Thuận có trụ sở chính đăng ký tại Khóm Biển Trên, Phường Vĩnh Phước, Thị xã Vĩnh Châu, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm giữ 99,099% phần vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong Vĩnh Thuận (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 100% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Nhóm Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn/Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn/Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào tài khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được Nhóm Công ty ghi nhận với phương pháp như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	- kê khai thường xuyên, chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm	- kiểm kê định kỳ, giá gốc thành phẩm theo phương pháp bình quân gia quyền.
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	- kiểm kê định kỳ, giá vốn nguyên vật liệu trực tiếp, bao gồm chi phí con giống và chi phí thức ăn.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Nhóm Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước năm 2003 theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

3.5 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Quyền sử dụng đất	30 - 50 năm
Phần mềm vi tính	3 - 6 năm
Tài sản khác	5 - 6 năm

3.6 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm khi phát sinh.

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ dụng cụ

Công cụ dụng cụ với giá trị lớn xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn được hạch toán vào khoản mục chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí trả trước (tiếp theo)

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm:

- Số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất ký với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sóc Trăng vào ngày 13 tháng 6 năm 2007, ngày 4 tháng 10 năm 2012, ngày 4 tháng 2 năm 2020 và ngày 4 tháng 3 năm 2020 trong thời hạn từ 48 - 50 năm; và
- Giá trị quyền sử dụng đất khi Nhóm Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thời hạn sau năm 2003.

Theo Thông tư 45, các khoản tiền thuê đất nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian thuê hoặc thời gian sử dụng còn lại.

3.8 Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Nhóm Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này, ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ khen thưởng phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.16 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính hiện nay của Nhóm Công ty là nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm. Trong đó, doanh thu thủy sản chiếm 97% trong tổng doanh thu. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định rằng Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh - thủy sản và khu vực địa lý - Việt Nam. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	2.250.860.677	1.912.587.559
Tiền gửi ngân hàng	39.181.742.207	288.222.187.372
Các khoản tương đương tiền (*)	410.171.046.000	295.194.579.397
TỔNG CỘNG	451.603.648.884	585.329.354.328

(*) Số cuối năm thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 2,5% đến 4,25%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Số cuối năm thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ sáu (6) tháng đến mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 3,75% đến 8,2%/năm. Như được trình bày tại *Thuyết minh số 20*, Nhóm Công ty đã thế chấp các khoản tiền gửi trị giá 50.609.000.000 VND để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Amanda Seafood Private Limited	133.178.947.776	137.121.885.712
Kyokuyo Company Limited	38.240.015.240	38.168.101.142
Mazzetta Company, LLC.,	26.066.299.000	6.739.117.200
IFC Seafood INC.	11.313.747.200	-
Hanwa Co., Ltd	9.722.300.000	2.212.736.000
Northgate Foods Ltd	5.034.887.200	7.743.638.400
K&H Food Impex GmbH (Yuu'n Mee)	3.843.890.400	11.011.127.520
Các khách hàng khác	20.492.684.350	37.007.676.621
TỔNG CỘNG	247.892.771.166	240.004.282.595

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 20*, Nhóm Công ty đã thế chấp toàn bộ các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của Nhóm Công ty.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán khác	14.131.662.051	33.415.957.686
- Công ty Cổ phần Năm Dững	3.047.868.000	-
- Công ty TNHH Tư vấn - Xây dựng Việt Kiến Trường	1.709.100.000	18.411.455.640
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Liên Phát	-	8.757.744.000
- Người bán khác	9.374.694.051	6.246.758.046
Trả trước cho bên liên quan (<i>Thuyết minh số 30</i>)	4.352.632.274	669.093
TỔNG CỘNG	18.484.294.325	33.416.626.779

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Số cuối năm thể hiện các khoản cho vay tín chấp ngắn hạn cho Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN theo hợp đồng cho vay số 1608/2023/HDV/FMC-PANFOOD với kỳ hạn sáu (6) tháng và hưởng lãi suất 6,5%/ năm (*Thuyết minh số 30*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước lãi tiền gửi, lãi cho vay	7.418.636.811	1.033.532.771
Tạm ứng cho nhân viên	342.626.616	230.008.795
Chi hộ	190.599.976	4.260.868
Ký quỹ dự án nhà máy Thủy sản Sao Ta	-	4.200.000.000
Phải thu khác	453.452.889	933.791.744
TỔNG CỘNG	8.405.316.292	6.401.594.178
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác từ bên khác</i>	3.366.836.839	6.401.594.178
<i>Phải thu khác từ bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	5.038.479.453	-

10. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm	788.986.654.881	701.803.944.460
Hàng gửi đi bán	77.470.322.318	107.589.699.567
Nguyên vật liệu	49.698.234.247	49.698.390.834
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	41.625.117.476	-
Công cụ, dụng cụ và bao bì	40.374.838.064	57.675.014.479
Hàng mua đang đi trên đường	1.671.793.200	12.312.178.268
TỔNG CỘNG	999.826.960.186	929.079.227.608

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 20*, Nhóm Công ty đã thế chấp toàn bộ hàng tồn kho ngoại trừ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND					
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:						
Số đầu năm	436.967.685.477	604.451.163.834	73.125.108.917	12.426.585.973	7.066.480.595	1.134.037.024.796
Mua mới	-	91.016.373.930	6.763.640.148	496.717.272	3.817.340.239	102.094.071.589
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	333.646.970.141	144.073.623.241	2.021.709.546	1.243.338.769	767.879.273	481.753.520.970
Thanh lý, xóa sổ	(293.438.242)	(21.029.366.054)	(469.286.611)	(1.855.790.346)	(1.950.243.628)	(25.598.124.881)
Số cuối năm	<u>770.321.217.376</u>	<u>818.511.794.951</u>	<u>81.441.172.000</u>	<u>12.310.851.668</u>	<u>9.701.456.479</u>	<u>1.692.286.492.474</u>
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết</i>	108.898.213.890	272.321.559.749	11.602.382.764	8.090.805.154	4.351.429.417	405.264.390.974
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	234.809.900.197	429.465.793.890	36.021.378.909	10.799.618.280	6.744.066.132	717.840.757.408
Khấu hao trong năm	71.845.063.882	71.134.132.372	9.259.158.241	1.184.764.181	567.808.364	153.990.927.040
Thanh lý, xóa sổ	(293.438.242)	(21.029.366.054)	(469.286.611)	(1.855.790.346)	(1.950.243.628)	(25.598.124.881)
Số cuối năm	<u>306.361.525.837</u>	<u>479.570.560.208</u>	<u>44.811.250.539</u>	<u>10.128.592.115</u>	<u>5.361.630.868</u>	<u>846.233.559.567</u>
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	<u>202.157.785.280</u>	<u>174.985.369.944</u>	<u>37.103.730.008</u>	<u>1.626.967.693</u>	<u>322.414.463</u>	<u>416.196.267.388</u>
Số cuối năm	<u>463.959.691.539</u>	<u>338.941.234.743</u>	<u>36.629.921.461</u>	<u>2.182.259.553</u>	<u>4.339.825.611</u>	<u>846.052.932.907</u>
<i>Trong đó:</i>						
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 20)</i>	206.414.102.209	13.878.723.253	956.250.000	-	67.410.504	221.316.485.966

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND			
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	3.270.412.686	1.076.240.610	199.501.200	4.546.154.496
Mua mới	-	173.640.000	-	173.640.000
Xóa sổ	-	(267.520.000)	-	(267.520.000)
Số cuối năm	3.270.412.686	982.360.610	199.501.200	4.452.274.496
<i>Trong đó:</i>				
Đã hao mòn hết	-	485.595.610	199.501.200	685.096.810
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	1.054.178.753	856.091.027	199.501.200	2.109.770.980
Hao mòn trong năm	53.231.787	234.619.583	-	287.851.370
Xóa sổ	-	(267.520.000)	-	(267.520.000)
Số cuối năm	1.107.410.540	823.190.610	199.501.200	2.130.102.350
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	2.216.233.933	220.149.583	-	2.436.383.516
Số cuối năm	2.163.002.146	159.170.000	-	2.322.172.146

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phát triển dự án nuôi tôm	60.985.682.893	51.074.319.773
Máy móc đang chờ lắp đặt	19.794.585.957	3.505.882.300
Dự án Nhà máy Thủy sản Tam An	13.492.919.004	11.103.590.026
Dự án Nhà máy Thủy sản Sao Ta	385.708.182	377.349.355.260
Văn phòng Vĩnh Thuận	-	1.973.891.769
Khác	943.029.995	515.465.610
TỔNG CỘNG	95.601.926.031	445.522.504.738

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	47.668.869.691	24.431.584.433
Công cụ và dụng cụ xuất dùng	46.637.678.996	24.431.584.433
Phí bảo hiểm	1.031.190.695	-
Dài hạn	280.442.455.465	242.313.447.464
Quyền sử dụng đất	224.563.256.482	227.409.529.204
Công cụ và dụng cụ xuất dùng	51.728.184.961	12.395.172.717
Chi phí bảo trì tài sản cố định	2.627.017.883	1.100.691.651
Chi phí cải tạo ao	1.523.996.139	1.408.053.892
TỔNG CỘNG	328.111.325.156	266.745.031.897

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho người bán khác	105.311.101.220	82.941.321.295
- Amanda Seafood Private Limited	47.181.818.020	-
- Laitram Machinery, Inc	11.794.860.000	-
- Kyokuyo Company Limited	8.591.833.077	16.046.188.976
- Công ty TNHH Bao bì Xuất khẩu và Thương mại Vạn Thành	4.730.522.347	5.201.059.389
- Ông Quách Hoàng Phong	-	20.000.000.000
- Các bên khác	33.012.067.776	41.694.072.930
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 30)	867.000.000	-
TỔNG CỘNG	106.178.101.220	82.941.321.295

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Japan Delica Co., Ltd	1.075.509.120	1.614.783.475
T & S Enterprises (London) Ltd.	827.639.232	-
Foods Bridge International	814.342.497	-
Người mua khác	80.185.066	18.899.971.318
TỔNG CỘNG	2.797.675.915	20.514.754.793

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	47.266.563.438	100.988.540.511	(109.502.857.630)	38.752.246.319
	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế thu nhập cá nhân	3.276.189.286	20.112.987.530	(17.232.496.951)	6.156.679.865
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.259.423.168	1.633.240.589	(4.335.387.168)	557.276.589
Thuế giá trị gia tăng	651.087.114	1.992.117.267	(2.288.008.719)	355.195.662
Thuế tài nguyên môi trường	18.068.000	180.812.000	(189.412.800)	9.467.200
TỔNG CỘNG	7.204.767.568	23.919.157.386	(24.045.305.638)	7.078.619.316

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuế chống bán phá giá (*)	41.892.463.225	47.757.652.810
Chi phí hoa hồng	647.068.858	1.766.289.375
Chi phí vận chuyển và cước tàu	148.259.423	846.094.400
Khác	2.220.712.585	2.858.400.772
TỔNG CỘNG	44.908.504.091	53.228.437.357

(*) Nhóm Công ty đang ước tính thuế chống bán phá giá theo tỷ lệ của POR gần nhất lần thứ 12 là năm 2016.

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	363.283.285	7.203.123.519
Kinh phí công đoàn	-	5.030.744.442
Thưởng hiệu quả nuôi tôm	-	1.980.253.880
Khác	363.283.285	192.125.197
Dài hạn	835.000.000	835.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	835.000.000	835.000.000
TỔNG CỘNG	1.198.283.285	8.038.123.519

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả nợ vay	Chênh lệch tỷ giá	VND Số cuối năm
Vay ngân hàng	515.492.089.200	4.493.951.195.410	(4.188.124.362.846)	2.803.053.985	824.121.975.749

Nhóm Công ty có các khoản vay ngắn hạn ngân hàng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	Số tiền (VND)	Nguyên tệ (USD)			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Trăng					
Vay USD 1	182.298.848.226	7.465.145	Từ ngày 22 tháng 1 năm 2024 đến ngày 27 tháng 5 năm 2024	4,0 - 4,2	Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thương mại (Thuyết minh số 6) Hàng tồn kho (Thuyết minh số 10)
Vay VND 1	29.379.407.443	-	Từ ngày 24 tháng 1 năm 2024 đến ngày 18 tháng 3 năm 2024	4,0 - 4,2	Văn bản bảo lãnh số 043/VB.2023 và 044/VB.2023 trị giá 400.000.000.000 VND từ Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Vay VND 2	46.689.893.757	-	Từ ngày 25 tháng 3 năm 2024 đến ngày 27 tháng 3 năm 2024	2,5	Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thương mại (Thuyết minh số 6) Hàng tồn kho (Thuyết minh số 10) Nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị (Thuyết minh số 11)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

Công ty có các khoản vay ngắn hạn ngân hàng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	Số tiền (VND)	Nguyên tệ (USD)			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Trăng					
Vay USD 1	195.937.316.000	8.052.000	Từ ngày 25 tháng 1 năm 2024 đến ngày 26 tháng 3 năm 2024	4	Hàng tồn kho (Thuyết minh số 10) Nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị tại trại nuôi Tân Nam (Thuyết minh số 11)
Vay VND 1	124.955.965.194	-	Từ ngày 30 tháng 1 năm 2024 đến ngày 23 tháng 3 năm 2024	2,5 – 3,5	Công trình tại Nhà máy Thủy sản Sao Ta (Thuyết minh số 11)
Vay USD 2	48.965.041.145	2.005.120	Từ ngày 26 tháng 1 năm 2024 đến ngày 25 tháng 5 năm 2024	4,0 - 4,2	Tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh số 4 và Thuyết minh số 5) Văn bản bảo lãnh trị giá 150.000.000.000 VND từ Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sóc Trăng					
Vay VND 1	195.895.503.984	-	Từ ngày 13 tháng 2 năm 2024 đến ngày 20 tháng 5 năm 2024	2,5 – 3	Hàng tồn kho (Thuyết minh số 10)
TỔNG CỘNG	824.121.975.749	17.522.265			

21. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	29.890.909.397	2.155.791.729
Trích lập quỹ (Thuyết minh 22.1)	41.934.221.463	39.819.532.032
Sử dụng quỹ	(16.599.666.383)	(12.084.414.364)
Số cuối năm	55.225.464.477	29.890.909.397

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

					VND
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm	653.888.890.000	593.685.426.002	534.379.891.345	194.800.595.504	1.976.754.802.851
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	309.023.014.004	11.994.877.391	321.017.891.395
Cổ tức công bố	-	-	(130.777.778.000)	(11.109.560.000)	(141.887.338.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(36.252.350.080)	(3.567.181.952)	(39.819.532.032)
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(4.300.000)	-	-	(4.300.000)
Số cuối năm	<u>653.888.890.000</u>	<u>593.681.126.002</u>	<u>676.372.777.269</u>	<u>192.118.730.943</u>	<u>2.116.061.524.214</u>
Năm nay					
Số đầu năm	653.888.890.000	593.681.126.002	676.372.777.269	192.118.730.943	2.116.061.524.214
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	276.067.089.402	26.269.241.764	302.336.331.166
Thay đổi lợi ích giữa các bên	-	-	-	326.691.920	326.691.920
Cổ tức công bố (*)	-	-	(130.777.778.000)	(11.872.000.000)	(142.649.778.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(40.494.836.176)	(1.439.385.287)	(41.934.221.463)
Số cuối năm	<u>653.888.890.000</u>	<u>593.681.126.002</u>	<u>781.167.252.495</u>	<u>205.403.279.340</u>	<u>2.234.140.547.837</u>

(*) Vào ngày 26 tháng 5 năm 2023, Nhóm Công ty đã chi cổ tức năm 2022 bằng tiền tại mức 20% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông công ty mẹ theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 11 tháng 4 năm 2023, phù hợp với Nghị Quyết Đại Hội đồng Cổ đông ("NQĐHĐCĐ") thường niên 2023 ngày 7 tháng 4 năm 2023 và cũng đã chi cổ tức năm 2022 cho cổ đông không kiểm soát của Khang An theo tỷ lệ 7% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị của Khang An ngày 7 tháng 2 năm 2023, phù hợp với NQĐHĐCĐ 2023 ngày 8 tháng 4 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm và số cuối năm	653.888.890.000	653.888.890.000
Cổ tức		
Cổ tức công bố	130.777.778.000	130.777.778.000
Cổ tức đã trả bởi công ty mẹ	130.777.778.000	130.777.778.000
Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát	11.872.000.000	11.109.560.000

22.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	65.388.889	65.388.889
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	65.388.889	65.388.889
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	65.388.889	65.388.889

22.4 Lãi trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	276.067.089.402	309.023.014.004
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(6.579.473.170)	(40.494.836.176)
Lợi nhuận thuần trong kỳ phân bổ cho cổ đông của Công ty (VND)	269.487.616.232	268.528.177.828
Số lượng cổ phiếu bình quân (<i>cổ phiếu</i>)	65.388.889	65.388.889
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	4.121	4.107

Nhóm Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2022 theo NQĐHĐCĐ Thường niên 2023 ngày 7 tháng 4 năm 2023 và NQĐHĐCĐ 2023 ngày 8 tháng 4 năm 2023.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm nay đã được điều chỉnh giảm cho khoản trích thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát tạm tính từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm hiện tại theo NQĐHĐCĐ Thường niên 2023 ngày 7 tháng 4 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	5.089.081.007.694	5.707.202.573.088
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng thủy sản</i>	4.929.900.778.039	5.493.278.915.328
<i>Doanh thu bán hàng nông sản</i>	159.180.229.655	213.923.657.760
Trừ:	(1.688.007.779)	(5.638.911.412)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(1.611.783.779)	(5.638.911.412)
<i>Giảm giá hàng bán</i>	(76.224.000)	-
DOANH THU THUẦN	<u>5.087.392.999.915</u>	<u>5.701.563.661.676</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng thủy sản</i>	4.928.212.770.260	5.487.967.943.328
<i>Doanh thu bán hàng nông sản</i>	159.180.229.655	213.595.718.348
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên khác</i>	5.084.334.418.165	5.697.692.866.126
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	3.058.581.750	3.870.795.550

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	51.982.755.069	53.185.392.556
Lãi tiền gửi ngân hàng	14.241.706.371	17.951.082.047
Lãi cho vay	5.038.479.453	-
Lãi từ chuyển nhượng vốn	1.673.308.080	-
TỔNG CỘNG	<u>72.936.248.973</u>	<u>71.136.474.603</u>

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng thủy sản	4.479.464.609.749	4.937.510.823.320
Giá vốn hàng nông sản	115.004.196.671	138.476.970.510
TỔNG CỘNG	<u>4.594.468.806.420</u>	<u>5.075.987.793.830</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	33.242.652.725	36.933.730.057
Chi phí lãi vay	28.215.238.714	17.254.552.400
TỔNG CỘNG	<u>61.457.891.439</u>	<u>54.188.282.457</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí vận chuyển	80.125.307.809	178.617.022.118
Chi phí hoa hồng	7.570.468.912	8.699.809.738
Chi phí nhân viên	4.457.808.865	4.253.948.149
Chi phí thuế chống bán phá giá (*)	(5.865.189.585)	3.855.694.592
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí trích trước cho đợt rà soát hành chính lần thứ 19	41.892.463.225	-
- (Hoàn nhập chi phí đã trích trước) chi phí trích trước cho đợt rà soát hành chính lần thứ 18	(47.757.652.810)	47.757.652.810
- Hoàn nhập chi phí đã trích trước cho đợt rà soát hành chính lần thứ 17	-	(43.901.958.218)
Khác	35.495.663.523	30.767.077.410
TỔNG CỘNG	121.784.059.524	226.193.552.007

(*) Đây là khoản chi phí thuế chống bán phá giá áp dụng cho các công ty xuất khẩu tôm sang thị trường Mỹ theo yêu cầu của luật thuế chống bán phá giá của Bộ Thương mại Mỹ được tính toán và thu bởi Cơ quan Hải quan và Bảo vệ Biên giới Mỹ trước khi hàng hóa được nhập khẩu vào Mỹ.

Vào ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty đã hoàn tất thỏa thuận với bên Nguyên đơn để chấm dứt việc kiện chống Nhóm Công ty bán phá giá cho đợt rà soát hành chính ("POR") lần thứ 18. Theo đó, Nhóm Công ty chỉ phải trả chi phí thỏa thuận và không phải trả thêm bất kỳ chi phí thuế chống bán phá giá nào khác cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2022 đến ngày 31 tháng 1 năm 2023 ("POR 18").

Thuế suất chống bán phá giá sau cùng áp dụng cho Nhóm Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 ("POR 19") chưa được xác định. Nhóm Công ty đang trích lập dự phòng thuế chống bán phá giá cho giai đoạn này POR 19 dựa theo tỷ lệ của POR gần nhất lần thứ 12 là năm 2016. Do vậy, số thuế phải trả và chi phí thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Bộ Thương mại Mỹ.

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	46.388.768.860	67.361.419.279
Thuế và lệ phí	8.533.532.986	7.783.602.102
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.826.670.346	1.042.207.015
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.376.275.937	5.135.375.040
Chi phí kiểm toán	710.000.000	678.000.000
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(1.504.317.359)
Khác	16.144.608.389	12.029.483.765
TỔNG CỘNG	78.979.856.518	92.525.769.842

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	4.053.532.772.447	4.542.254.306.415
Chi phí nhân viên	605.855.624.982	647.163.536.693
Chi phí dịch vụ mua ngoài	186.239.800.557	273.243.113.659
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 11 và 12)	154.278.778.410	92.276.620.949
Khác	162.613.006.063	181.345.939.185
TỔNG CỘNG	<u>5.162.519.982.459</u>	<u>5.736.283.516.901</u>

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Từ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Nhóm Công ty áp dụng Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015, hướng dẫn về thuế TNDN và Công văn số 1327/CT-TTr từ Cục thuế Tỉnh Sóc Trăng ngày 1 tháng 12 năm 2015. Chi tiết như sau:

- ▶ Đối với hoạt động nuôi trồng, chế biến hàng nông sản và thủy sản ở vùng đặc biệt khó khăn, Nhóm Công ty được miễn thuế TNDN trong suốt thời gian hoạt động; và
- ▶ Đối với hoạt động nuôi trồng, chế biến hàng thủy sản ở vùng khó khăn, Nhóm Công ty được hưởng thuế suất 10% cho toàn bộ thời gian hoạt động.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.633.240.589	8.282.032.455
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	626.319.744	(885.845.696)
TỔNG CỘNG	<u>2.259.560.333</u>	<u>7.396.186.759</u>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>304.595.891.499</u>	<u>328.414.078.154</u>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty	60.919.178.299	65.682.815.631
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	273.416.874	213.142.634
Thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn góp	38.741.045	-
Thuế TNDN được miễn giảm	<u>(58.971.775.885)</u>	<u>(58.499.771.506)</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>2.259.560.333</u>	<u>7.396.186.759</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

29.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế chống bán phá giá	3.843.174.667	4.180.917.352	(337.742.685)	566.630.006
Dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả	844.633.275	796.994.775	47.638.500	6.432.225
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	26.156.467	362.372.026	(336.215.559)	312.783.465
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	4.713.964.409	5.340.284.153		
(Chi phí) thu nhập thuế thu nhập hoãn lại			(626.319.744)	885.845.696

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch với Nhóm Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty trong cùng tập đoàn
Ông Hồ Quốc Lực	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Hoàng Việt	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Tô Minh Chăng	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên HĐQT
Ông Adisak Torsakul	Thành viên HĐQT
Bà Triệu Mai Lan	Thư ký HĐQT
Bà Lưu Nguyễn Trúc Dung	Trưởng BKS
Ông Lý Thái Hưng	Thành viên BKS
Bà Lý Thị Kim YẾN	Thành viên BKS
Ông Mã Ích Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Thới	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Ngọc Hương	Phó Tổng Giám đốc

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam	Cổ đông lớn	Mua hàng hóa	323.341.125.936	312.865.910.502
		Chia cổ tức	32.653.666.000	32.563.666.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty trong cùng tập đoàn	Cho vay	217.000.000.000	-
		Lãi cho vay	5.038.479.453	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Cổ đông lớn	Chia cổ tức	49.369.356.000	49.369.356.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	Cổ đông lớn	Chia cổ tức	16.178.000.000	16.178.000.000
		Bán hàng	3.058.581.750	3.870.795.550
		Mua dịch vụ	219.342.563	-
Ông Hồ Quốc Lực	Chủ tịch	Chuyển nhượng vốn góp	2.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

				VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7)					
Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam	Cổ đông lớn	Mua hàng	4.352.632.274	669.093	
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 8)					
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty trong cùng tập đoàn	Cho vay	217.000.000.000	-	
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 9)					
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty trong cùng tập đoàn	Lãi cho vay	5.038.479.453	-	
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15)					
Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam	Cổ đông lớn	Mua hàng	867.000.000	-	

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát ("BKS") như sau:

			VND	
Tên	Chức vụ	Thu nhập		
		Năm nay	Năm trước	
Ông Hồ Quốc Lực	Chủ tịch HĐQT	2.173.391.000	2.016.340.000	
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch HĐQT	692.000.000	842.000.000	
Ông Phạm Hoàng Việt	Thành viên HĐQT			
	kiêm Tổng Giám đốc	2.061.351.000	2.004.140.000	
Ông Tô Minh Chăng	Thành viên HĐQT	1.375.607.000	1.361.785.000	
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên HĐQT	408.000.000	458.000.000	
Ông Adisak Torsakul	Thành viên HĐQT	358.000.000	81.000.000	
Bà Triệu Mai Lan	Thư ký HĐQT	641.557.000	606.989.000	
Bà Lưu Nguyễn Trúc Dung	Trưởng BKS	912.981.000	889.432.000	
Ông Lý Thái Hưng	Thành viên BKS	804.085.000	578.338.000	
Bà Lý Thị Kim Yên	Thành viên BKS	204.000.000	63.000.000	
Ông Hoàng Thanh Vũ	Phó Tổng Giám đốc	1.362.926.000	1.261.054.000	
Ông Mã Ích Hưng	Phó Tổng Giám đốc	1.223.161.000	1.255.693.000	
Bà Lê Ngọc Hương	Phó Tổng Giám đốc	1.059.191.000	1.077.965.000	
Ông Đinh Văn Thới	Phó Tổng Giám đốc	667.452.000	899.900.000	
TỔNG CỘNG		13.943.702.000	13.395.636.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. CÁC CAM KẾT

Cam kết cho thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	2.094.436.617	2.140.294.377
Trên 1 - 5 năm	8.561.177.508	8.561.177.508
Trên 5 năm	95.840.828.923	94.373.133.278
TỔNG CỘNG	106.496.443.048	105.074.605.163

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Nhóm Công ty có ký kết các hợp đồng thi công công trình và mua sắm máy móc thiết bị cho với nghĩa vụ cam kết trong tương lai được thể hiện như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Máy móc đang chờ lắp đặt	8.371.985.880	1.400.000.000
Dự án nhà máy chế biến thủy sản	346.381.049	38.396.748.652
TỔNG CỘNG	8.718.366.929	39.796.748.652

32. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
Đô la Mỹ (USD)	591.296	11.890.718
Yên Nhật (JPY)	37.338	96.105
Euro (EUR)	144	155
Nợ khó đòi đã xử lý (VND):		
Các khoản phải thu khác	-	16.120.604.408

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đã đứng ra bảo lãnh cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An tại các ngân hàng thương mại sau:

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng theo văn bản bảo lãnh số 01/2023 trị giá 150.000.000.000 VND.
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng theo văn bản bảo lãnh số 043/VB.2023 và 044/VB.2023 trị giá 400.000.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

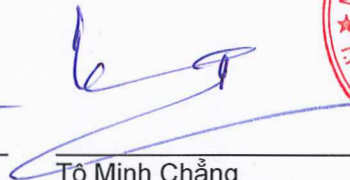
Ngày 14 tháng 11 năm 2023, Bộ Thương mại Hoa Kỳ vừa công bố khởi xướng điều tra việc trợ cấp của Chính phủ cho các nhà sản xuất-xuất khẩu từ Việt Nam vào Mỹ đối với sản phẩm tôm nước ấm đông lạnh thuộc các mã HS 0306.17, 1605.21 và 1605.29 (không bao gồm tôm tẩm bột), cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022. Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, kết quả sơ bộ của việc điều tra từ Bộ Thương mại Hoa Kỳ vẫn chưa có kết luận. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty chưa có đủ thông tin để ước tính ảnh hưởng của vấn đề trên trong báo cáo tài chính hợp nhất này.

34. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM


Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Lý Thị Thu Hồng
Người lập



Tô Minh Chăng
Kế toán trưởng



Phạm Hoàng Việt
Tổng Giám đốc

Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024